TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 672/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Nghiệp
2. Bà Phạm Thị Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhoán – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 878/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Kim O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Đường Q, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
- Bị đơn: Ông Trần Thành N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Đường Q, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lưu Thị Kim O trình bày:

Bà Lưu Thị Kim O và ông Trần Thành N tự nguyện chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 22/4/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sống chung, cả hai liên tục phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà O và ông N có 01 con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 03/10/2014. Khi ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bảo C và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà O khai không có.

Về nợ chung: Bà O khai không có.

Bị đơn ông Trần Thành N trình bày :

Ông N đồng ý với bà O về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn. Theo ông N giữa vợ chồng ông không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, đôi khi bất đồng ý kiến

những vấn đề bình thường trong đời sống vợ chồng ông còn thương vợ, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà O có 01 con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 03/10/2014. Trường hợp bà O kiên quyết xin ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bảo C, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông N khai không có.

Về nợ chung: Ông N khai không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà O và ông N thống nhất ý kiến về tài sản chung và nợ chung nhưng các đương sự không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân và con chung, cụ thể bà O yêu cầu ly hôn, ông N không đồng ý ly hôn; trường hợp bà O yêu cầu kiên quyết xin ly hôn, cả bà O và ông N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bảo C và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông N, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N không đồng ý ly hôn, trường hợp bà O kiên quyết xin ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bảo C, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Cả hai thống nhất về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Lưu Thị Kim O có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Thành N, địa chỉ: Đường Q, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 22/4/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lưu Thị Kim O và ông Trần Thành N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải giữa bà O và ông N cùng thống nhất về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đương sự như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân : Bà Lưu Thị Kim O yêu cầu được ly hôn ông Trần Thành N. Nhận thấy: Bà O và ông N kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo bà O trong thời gian sống chung, bà O và ông N liên tục phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không hòa hợp nhiều vấn đề trong đời sống vợ chồng, ông N vô tâm không quan tâm đến vợ, bà không còn tình cảm với ông N, không thể sống

chung với nhau được nữa, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía ông N không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, thỉnh thoảng có bất đồng ý kiến một số vấn đề bình thường trong đời sống vợ chồng. Ông còn thương vợ nhưng từ tháng 10/2017 bà O nộp đơn ly hôn đến nay ông N cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, bà O không đồng ý sống chung, bản thân ông N cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hòa giải trở về chung sống cùng nhau. Tại phiên tòa cả hai cũng tiếp tục nêu ra những bất đồng mà không đưa ra được những biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà O và ông N kéo dài trầm trọng không giải quyết được, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của bà O xin ly hôn với ông N.

[3.2] Về con chung: Bà O và ông N có 01 con chung là trẻ Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 03/10/2014. Tại phiên tòa, bà O yêu cầu được nuôi con chung, ông N cũng yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, trẻ Bảo C còn nhỏ cần cha hoặc mẹ có nhiều thời gian trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa, bà O và ông N đều trình bày cả hai đều làm việc giờ hành chính, đủ thời gian chăm sóc con chung. Tuy nhiên trẻ Bảo C là trẻ gái, gần 4 tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, ngoài ra bà O sống cùng gia đình cha mẹ ruột nên còn có sự hỗ trợ từ phía gia đình nên giao bà O trực tiếp tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp và đảm bảo sự phát triển ổn định về sinh hoạt, tâm lý và sức khỏe cho trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lưu Thị Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà O đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006881 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Hội đồng xét xử Quyết định:

- Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim O được ly hôn ông Trần Thành N.

- Về con chung: Giao bà O trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 03/10/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà O không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà O và ông N xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà O và ông N xác nhận không có.

- Về án phí: Bà Lưu Thị Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà O đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006881 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thụy Hồng Châu

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.